|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số:…../…./TT-BTTTT | *Hà Nội, ngày tháng năm 2024* |

***Dự thảo 2***

**THÔNG TƯ**

**Quy định công nhận tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký điện tử nước ngoài; công nhận chữ ký điện tử, chứng thư chữ ký điện tử nước ngoài**

*Căn cứ Luật giao dịch điện tử ngày 22 tháng 06 năm 2023;*

*Căn cứ Nghị định số ….../2024/NĐ-CP ngày …… tháng ….. năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật giao dịch điện tử về chữ ký điện tử và dịch vụ tin cậy;*

*Căn cứ Nghị định số* [*48/2022/NĐ-CP*](https://vanban.chinhphu.vn/?pageid=27160&docid=206255)*ngày 26 tháng 7 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Thông tin và Truyền thông;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế và Giám đốc Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia;*

*Bộ trưởng Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành Thông tư quy định về công nhận tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký điện tử nước ngoài; công nhận chữ ký điện tử, chứng thư chữ ký điện tử nước ngoài.*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này quy định về công nhận tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký điện tử nước ngoài; công nhận chữ ký điện tử, chứng thư chữ ký điện tử nước ngoài tại Việt Nam.

**Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Thông tư này áp dụng đối với tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử nước ngoài đề nghị công nhận tại Việt Nam; tổ chức, cá nhân nước ngoài; tổ chức, cá nhân Việt Nam có nhu cầu giao dịch điện tử với tổ chức, cá nhân nước ngoài.

**Điều 3. Giải thích thuật ngữ**

1. “Tổ chức cung cấp dịch dịch vụ chứng chứng thực chữ ký điện tử nước ngoài” là tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử được thành lập và hoạt động cung cấp dịch vụ ngoài phạm vi lãnh thổ Việt Nam.

2. “Chứng thư chữ ký điện tử nước ngoài” là chứng thư chữ ký điện tử do tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử nước ngoài cung cấp.

**Chương II**

**CÔNG NHẬN TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ CHỮ KÝ ĐIỆN TỬ NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM**

**Điều 4. Hồ sơ công nhận tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký điện tử nước ngoài tại Việt Nam.**

Hồ sơ công nhận Tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký điện tử nước ngoài tại Việt Nam gồm các tài liệu giải trình, chứng minh đáp ứng đủ điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều 26 Luật giao dịch điện tử. Cụ thể như sau:

1. Văn bản đề nghị công nhận Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử nước ngoài theo mẫu tại Mẫu số 01 ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Bản dịch thuật công chứng giấy phép hoặc giấy chứng nhận chứng minh thành lập và hoạt động hợp pháp tại quốc gia đăng ký hoạt động kèm theo văn bản chứng minh đang hoạt động trong vòng 06 tháng trước ngày nộp hồ sơ.

3. Bản chính và bản dịch thuật công chứng Báo cáo kiểm toán kỹ thuật của hệ thống cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử từ tổ chức kiểm toán hoạt động hợp pháp tại quốc gia đăng ký hoạt động trong vòng 06 tháng gần nhất.

4. Văn bản, tài liệu chứng minh đáp ứng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 26 Luật giao dịch điện tử gồm:

a) Các văn bản, tài liệu kỹ thuật chứng minh chữ ký điện tử, chứng thư chữ ký điện tử do tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử nước ngoài đó cung cấp phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về chữ ký điện tử, chứng thư chữ ký điện tử theo quy định của pháp luật hiện hành Việt Nam hoặc tiêu chuẩn quốc tế đã được thừa nhận, hoặc điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt nam là thành viên.

5. Văn bản, tài liệu chứng minh chứng thư chữ ký điện tử nước ngoài do tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử nước ngoài đó cung cấp hình thành dựa trên thông tin định danh đầy đủ đã được xác thực của tổ chức, cá nhân nước ngoài, cụ thể gồm:

a) 01 Chứng thư chữ ký điện tử của thuê bao kèm theo tài liệu đăng ký sử dụng của thuê bao đó.

b) Văn bản chứng minh có quy định về hồ sơ thuê bao quy trình xác minh, xác thực thông tin định danh của thuê bao.

6. Chứng thư chữ ký điện tử có giá trị pháp lý của Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký nước ngoài tại khoản 1 điều này và được cập nhật trạng thái vào hệ thống chứng thực dịch vụ tin cậy của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.

Các trường thông tin trên chứng thư chữ ký điện tử phải bao gồm nhưng không giới hạn các thông tin theo quy định của pháp luật Việt Nam để phục vụ kiểm tra trạng thái chứng thư chữ ký điện tử trên hệ thống chứng thực dịch vụ tin cậy.

7. Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của văn phòng đại diện tại Việt Nam.

**Điều 5. Trình tự, thủ tục công nhận tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử nước ngoài tại Việt Nam.**

1. Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử nước ngoài nộp hồ sơ công nhận Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử nước ngoài tại Việt Nam nộp hồ sơ theo hướng dẫn sau:

a) Nộp trực tiếp hoặc theo đường bưu điện đến địa chỉ Bộ Thông tin và Truyền thông (Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia), địa chỉ số 18 Nguyễn Du – Hai Bà Trưng – Hà Nội.

b) Nộp trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.neac.gov.vn. Hồ sơ trực tuyến phải đầy đủ thành phần theo quy định tại Điều 4 Thông tư này và phải được thể hiện dưới dạng chứng thư điện tử có giá trị pháp lý theo quy định tại Điều 19 Luật giao dịch điện tử.

Trường hợp ngôn ngữ trên văn bản, tài tài liệu thuộc thành phần hồ sơ là tiếng nước ngoài thì phải được dịch thuật công chứng.

3. Trong thời hạn 45 ngày làm việc tính từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Thông tin và Truyền thông xem xét, đánh giá hồ sơ và kiểm tra trạng thái chứng thư chữ ký điện tử của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử đề nghị công nhận tại Việt Nam.

3. Trường hợp đáp ứng đủ điều kiện theo quy định

a) Bộ Thông tin và Truyền thông cấp giấy công nhận tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký điện tử nước ngoài tại Việt Nam. Mẫu giấy công nhận tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký điện tử nước ngoài quy định theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Thông tư này.

b) Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực điện tử quốc gia công nhận/chứng nhận cặp khóa của cho tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử nước ngoài được công nhận tại Việt Nam và công bố chứng thư chữ ký điện tử cho tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký điện tử nước ngoài được công nhận trên hệ thống chứng thực dịch vụ tin cậy.

4. Trường hợp không đáp ứng đủ điều kiện, Bộ Thông tin và Truyền thông có thông báo và nêu rõ lý do.

**Điều 6**. **Thời hạn công nhận Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử nước ngoài tại Việt Nam.**

1. Thời hạn công nhận tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử nước ngoài tại Việt Nam là thời hạn theo giấy phép cung cấp dịch vụ của tổ  chức đó tại nước sở tại và không quá thời hạn của chứng thư chữ ký điện tử của tổ chức đó.

2. Trường hợp thay đổi thông tin dẫn đến thay đổi chứng thư số của tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử nước ngoài được công nhận tại Việt Nam, Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử nước ngoài báo cáo việc thay đổi và đề nghị công nhận lại chứng thư chữ ký điện tử theo trình tự được nêu tại Điều 4, Điều 5 Thông tư này.

**CHƯƠNG 2**

**CÔNG NHẬN CHỮ KÝ ĐIỆN TỬ VÀ CHỨNG THƯ CHỮ KÝ ĐIỆN TỬ NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM**

**Điều 7. Hồ sơ đề nghị công nhận chữ ký điện tử nước ngoài, chứng thư chữ ký điện tử nước ngoài tại Việt Nam**

Hồ sơ đề nghị công nhận chữ ký điện tử nước ngoài, chứng thư chữ ký điện tử nước ngoài tại Việt Nam gồm các tài liệu, văn bản giải trình, chứng minh đáp ứng đủ điều kiện quy định tại Khoản 2 Điều 26 Luật giao dịch điện tử. Cụ thể như sau:

1. Giấy đề nghị theo mẫu tại Mẫu số 03 ban hành kèm theo theo Thông tư này.

2. Văn bản, tài liệu kỹ thuật chứng minh Chữ ký điện tử nước ngoài, chứng thư chữ ký điện tử nước ngoài phải phù hợp với tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật về chữ ký điện tử, chứng thư chữ ký điện tử theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc tiêu chuẩn quốc tế đã được thừa nhận hoặc điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên;

3. Chứng thư chữ ký điện tử nước ngoài đề nghị công nhận tại Việt Nam. Các trường thông tin trên chứng thư chữ ký điện tử phải bao gồm nhưng không giới hạn các thông tin theo quy định của pháp luật Việt Nam để phục vụ kiểm tra trạng thái chứng thư chữ ký điện tử trên hệ thống chứng thực dịch vụ tin cậy.

4. Các tài liệu, sau đây để chứng minh Chứng thư chữ ký điện tử nước ngoài hình thành dựa trên thông tin định danh đầy đủ đã được xác thực của tổ chức, cá nhân nước ngoài, gồm:

a) Đối với tổ chức Việt Nam: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy chứng nhận đầu tư hoặc quyết định thành lập hoặc quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn đối với tổ chức

b) Đối với cá nhân Việt Nam: chứng minh nhân dân hoặc căn cước công dân hoặc hộ chiếu.

c) Đối với tổ chức nước ngoài: Văn bản của cơ quan có thẩm quyền cho phép hoạt động hợp pháp tại Việt Nam.

c) Đối với cá nhân nước ngoài:

d) Đối với cá nhân nước ngoài: Hộ chiếu kèm theo visa hoặc văn bản xác nhận cư trú hợp pháp tại Việt Nam.

đ) Trường hợp được ủy quyền sử dụng chữ ký điện tử phải có ủy quyền cho phép hợp pháp sử dụng chứng chữ ký điện tử và thông tin thuê bao được cấp chứng thư chữ ký điện tử phải phù hợp với thông tin trong văn bản ủy quyền, cho phép.

**Điều 8: Trình tự, thủ tục công nhận chữ ký điện tử và chứng thư chữ ký điện tử nước ngoài tại Việt Nam**

1. Tổ chức, cá nhân nộp hồ sơ đề nghị công nhận chữ ký điện tử và chứng thư chữ ký điện tử nước ngoài tại Việt Nam, nộp hồ sơ theo hướng dẫn sau:

a) Nộp trực tiếp hoặc theo đường bưu điện đến địa chỉ Bộ Thông tin và Truyền thông (Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia), địa chỉ số 18 Nguyễn Du – Hai Bà Trưng – Hà Nội.

b) Nộp trực tuyến tại địa chỉ https://dichvucong.neac.gov.vn. Hồ sơ trực tuyến phải đầy đủ thành phần theo quy định tại Điều 7 Thông tư này và phải được thể hiện dưới dạng chứng thư điện tử có giá trị pháp lý theo quy định tại Điều 19 Luật giao dịch điện tử.

Trường hợp ngôn ngữ trên văn bản, tài tài liệu thuộc thành phần hồ sơ là tiếng nước ngoài thì phải được dịch thuật công chứng.

2. Trong thời hạn 30 ngày làm việc kể từ khi nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ. Bộ Thông tin và Truyền thông (Tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực điện tử quốc gia) xem xét, đánh giá hồ sơ và kiểm tra chứng thư chữ ký điện tử đề nghị công nhận. Trường hợp cần xác minh thông tin trong văn bản, tài liệu, thời hạn trả kết quả công nhận không vượt quá 65 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ hợp lệ.

3.Trường hợp đáp ứng đủ điều kiện theo quy định

a) Thông tin và Truyền thông cấp giấy công nhận theo mẫu tại Mẫu số 04 ban hành kèm theo thông tư này.

b) Tổ chức chứng thực điện tử quốc gia đưa chứng thư chữ ký điện tử được công nhận vào danh sách tin cậy và công bố trên hệ thống chứng thực dịch vụ tin cậy của cơ quan có thẩm quyền của Việt Nam.

4. Trường hợp hồ sơ không đáp ứng đủ điều kiện theo quy định, Bộ Thông tin và Truyền thông có thông báo và nêu rõ lý do.

**Điều 9: Thời hạn công nhận chữ ký điện tử và chứng thư chữ ký điện tử nước ngoài tại Việt Nam.**

Thời hạn công nhận chứng thư chữ ký điện tử nước ngoài tại Việt Nam là 05 (năm) năm nhưng không quá thời hạn hiệu lực của chứng thư chữ ký điện tử đó.

**Chương III**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 10:Tổ chức thực hiện**

1. Tổ chức cung cấp dịch dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử nước ngoài được công nhận tại Việt Nam, định kỳ sau mỗi năm hoạt động cần nộp báo cáo kiểm toán kỹ thuật và báo cáo cung cấp dịch vụ tại Việt Nam trong kỳ báo cáo đến Bộ Thông tin và Truyền thông. Thời hạn nộp báo cáo trong vòng 30 ngày đầu tiên của năm hoạt động kế tiếp. Kết quả của báo cáo kiểm toán kỹ thuật và báo cáo tình hình hoạt động sẽ là sở cứ để Bộ Thông tin và Truyền thông xem xét tiếp tục công nhận hoặc thu hồi giấy công nhận.

2. Tổ chức, cá nhân sử dụng chữ ký điện tử và chứng thư chữ ký điện tử nước ngoài tại Việt Nam sử dụng đúng phạm vi, mục đích được quy định tại Khoản 3 Điều 26 Luật giao dịch điện tử.

**Điều 11: Điều khoản chuyển tiếp**

Các tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký số nước ngoài, các chứng thư số nước ngoài được công nhận tại Việt Nam theo quy định tại Nghị định 130/2018/NĐ-CP được hoạt động và sử dụng tiếp cho đến hết thời hạn được công nhận.

**Điều 12: Hiệu lực thi hành**

Thông tư có hiệu lực thi hành từ ngày ...tháng... năm...

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:*** - Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;  - Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;  - UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;  - Sở TTTT các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;  - Cục Kiểm tra văn bản QPPL (Bộ Tư pháp);  - Công báo, Cổng thông tin điện tử Chính phủ;  - Bộ TTTT: Bộ trưởng và các Thứ trưởng,  các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ;  - Cổng thông tin điện tử Bộ;  - Lưu: VT, NEAC (20b). | **BỘ TRƯỞNG**  **Nguyễn Mạnh Hùng** |

**Mẫu số 01**

|  |  |
| --- | --- |
| (Tên tổ chức)------- | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: … | *…, ngày … tháng … năm …* |

**GIẤY ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CÔNG NHẬN TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ CHỮ KÝ ĐIỆN TỬ NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM**

Kính gửi: Bộ Thông tin và Truyền thông.

Căn cứ Luật giao dịch điện tử ngày 22 tháng 06 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số………..,

(Tên tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký điện tử nước ngoài) đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông công nhận tại Việt nam với các nội dung sau:

1. Thông tin về tổ chức

- Tên giao dịch: ……………………………………………………………..

Giấy phép hoặc giấy chứng nhận chứng minh thành lập và hoạt động hợp pháp tại quốc gia đăng ký hoạt động: ...................................................................................

Địa chỉ:

Điện thoại: ………………………Fax

E-mail: …………………Website:

Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động của văn phòng đại diện:...

Địa chỉ:

Điện thoại: ………………………

Người đứng đầu văn phòng đại diện:

Thông tin liên hệ người đứng đầu văn phòng đại diện

2. Hồ sơ đề nghị công nhận tổ chức cung cấp dịch vụ chữ ký điện tử nước ngoài tại Việt Nam gồm

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên tài liệu** | **Số lượng** | **Ghi chú** |
| 1 |  |  |  |
| 2 |  |  |  |
| … |  |  |  |

3. Cam kết

(Tên tổ chức) cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin cung cấp nêu trên cùng các tài liệu kèm theo và cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam về việc cung cấp dịch vụ chữ ký điện tử và pháp luật có liên quan./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **(NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC)** *(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu đối với tổ chức)* |

|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ THÔNG TIN VÀ  TRUYỀN THÔNG -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số:      /GCN-BTTTT | *Hà Nội, ngày … tháng … năm …* |

**GIẤY CÔNG NHẬN TỔ CHỨC CUNG CẤP DỊCH VỤ CHỮ KÝ ĐIỆN TỬ NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM**

(Có giá trị đến hết ngày …/…/….)

**BỘ TRƯỞNG BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**

Căn cứ Luật giao dịch điện tử ngày 22 tháng 06 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số……;

Xét Hồ sơ đề nghị công nhận tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử nước ngoài tại Việt Nam của…………….. (tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử nước ngoài);

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia,

**NAY CÔNG NHẬN**

**Điều 1.** **(**Tên tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử nước ngoài**),** có trụ sở tại ......., văn phòng đai diện tại.................... được công nhận tại Việt Nam theo các nội dung sau:

1. Tên giao dịch: ………………………………………………………………

2. Phạm vi và đối tượng cung cấp dịch vụ:...................………………………

3. Phương thức lưu khóa bí mật của thuê bao: ………………………………

4. Các quy chuẩn kỹ thuật và tiêu chuẩn áp dụng

……………………………………………………………………………………

**Điều 2.** Ngoài các quy định tại Điều 1, (Tên tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký điện tử nước ngoài) có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam về cung cấp dịch vụ chữ ký điện tử tại và pháp luật có liên quan.

**Điều 3.** Giấy công nhận ………….. có hiệu lực kể từ ngày ký./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **BỘ TRƯỞNG** |

**Mẫu số 03**

|  |  |
| --- | --- |
| (Tên tổ chức, cá nhân)------- | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số: … | *…, ngày … tháng … năm …* |

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY CÔNG NHẬN CHỮ KÝ ĐIỆN TỬ, CHỨNG THƯ CHỮ KÝ ĐIỆN TỬ NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM**

Kính gửi: Bộ Thông tin và Truyền thông.

Căn cứ Luật giao dịch điện tử ngày 22 tháng 06 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số………..,

(Tên tổ chức, cá nhân) đề nghị Bộ Thông tin và Truyền thông cấp giấy phép sử dụng chữ ký điện tử và chứng thư chữ ký điện tử nước ngoài tại Việt Nam với các nội dung sau:

1. Thông tin về cá nhân, tổ chức

Tên giao dịch: ……………………………………………………………..

Quyết định thành lập/Giấy phép kinh doanh (đối với tổ chức) số …… do ...cấp ngày ... tháng ... năm ………

Chứng minh thư nhân dân/Hộ chiếu (đối với cá nhân) số ……………............. do

………………………………………….cấp ngày ... tháng ... năm ...

Địa chỉ: ………………………………………………………………………

Điện thoại: …………………Fax (dành cho tổ chức): .................................

E-mail: …………………….Website (dành cho tổ chức): ........……………

Loại chứng thư số: …………………….. do tổ chức (tên tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số nước ngoài) cấp.

Serial number (SN): …………………………………………………………

Common name (CN): ………………………………………………………

Hiệu lực sử dụng từ ngày ………………. đến ngày ………………………

2. Hồ sơ đề nghị

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Tên tài liệu** | **Số lượng** | **Ghi chú** |
| 1 |  |  |  |
| 2 |  |  |  |
| … |  |  |  |

3. Cam kết

(Tên tổ chức/cá nhân) cam kết chịu trách nhiệm về tính chính xác của thông tin cung cấp nêu trên cùng các tài liệu kèm theo và cam kết tuân thủ các quy định của pháp luật Việt Nam về việc sử dụng chữ ký điện tử và pháp luật có liên quan./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **(CÁ NHÂN/NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC)** *(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu đối với tổ chức)* |

**Mẫu số 03**

|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ THÔNG TIN VÀ  TRUYỀN THÔNG -------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  ---------------** |
| Số:      /GCN-BTTTT | *Hà Nội, ngày … tháng … năm …* |

**GIẤY CÔNG NHẬN CHỮ KÝ ĐIỆN TỬ VÀ   
CHỨNG THƯ ĐIỆN TỬ NƯỚC NGOÀI TẠI VIỆT NAM**

(Có giá trị đến hết ngày …/…/….)

**BỘ TRƯỞNG BỘ THÔNG TIN VÀ TRUYỀN THÔNG**

Căn cứ Luật giao dịch điện tử ngày 22 tháng 06 năm 2023;

Căn cứ Nghị định số……;

Xét Hồ sơ đề nghị công nhận chữ ký điện tử và chứng thư chữ ký điện tử nước ngoài tại Việt Nam của…………….. (tên tổ chức, cá nhân);

Theo đề nghị của Giám đốc Trung tâm Chứng thực điện tử quốc gia,

**NAY CÔNG NHẬN**

**Điều 1.** (Tên tổ chức, cá nhân) có địa chỉ/trụ sở tại ..., có Quyết định thành lập/Giấy phép kinh doanh/Chứng minh thư nhân dân/Hộ chiếu: ... do ... cấp ngày ... tháng ... năm ..., được sử dụng chữ ký điện tử và chứng thư chữ ký điện tử nước ngoài tại Việt Nam với những nội dung cụ thể như sau:

1. Thông tin chứng thư số nước ngoài

Loại chứng thư số: ………………… do tổ chức (tên tổ chức cung cấp dịch vụ chứng thực chữ ký số nước ngoài) cấp.

Serial number: ……………………………………………………………………

Hiệu lực sử dụng: …………………………………………………………………

2. Phạm vi sử dụng

……………………………………………………………………………………

……………………………………………………………………………………

**Điều 2.** Ngoài các quy định tại Điều 1, (Tên tổ chức/cá nhân) chịu trách nhiệm tuân thủ pháp luật Việt Nam, thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của tổ chức/cá nhân sử dụng chữ ký điện tử và chứng thư chữ ký điện tử nước ngoài tại Việt Nam được quy định tại [Luật giao dịch điện tử](https://thuvienphapluat.vn/van-ban/Thuong-mai/Luat-Giao-dich-dien-tu-2005-51-2005-QH11-6922.aspx" \t "_blank), Nghị định số .../.../NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ...của Chính phủ quy định ...và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan do cơ quan quản lý nhà nước ban hành./.

Điều 3. Giấy công nhận ………….. có hiệu lực kể từ ngày ký./.

|  |  |
| --- | --- |
|  | **BỘ TRƯỞNG** |